



BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **62** /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày **30** tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành “Sửa đổi 01:2026 QCVN 09:2015/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh”

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư ban hành “Sửa đổi 01:2026 QCVN 09:2015/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh”.

Điều 1. Sửa đổi 01:2026 QCVN 09:2015/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh

Ban hành sửa đổi 01:2026 QCVN 09:2015/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh được ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Phụ lục kèm theo thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

Handwritten signature



Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Hồ sơ công bố hợp quy, giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời hạn hiệu lực ghi trong hồ sơ, văn bản đó.

Sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh đã bao gói, ghi nhãn và lưu thông trên thị trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi tiếp tục được lưu thông cho đến hết hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm.

Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh theo QCVN 09:2015/BCT được tiếp tục hoạt động cho đến khi hết thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Công nghiệp có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, phổ biến và triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Công Thương; Giám đốc các Sở, ngành có chức năng, nhiệm vụ do UBND cấp tỉnh quy định và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương (qua Cục Công nghiệp) để được hướng dẫn hoặc xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp./.

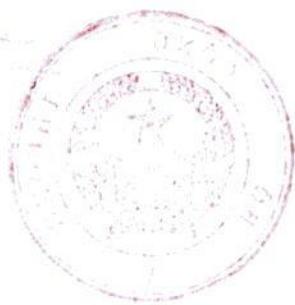
Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các Lãnh đạo Bộ;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Thanh Hoài





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 09:2015/BCT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM KHĂN GIẤY
VÀ GIẤY VỆ SINH**

Amendment 01:2026 QCVN 09:2015/BCT

National technical regulation for napkin and toilet tissue paper

HÀ NỘI - 2026

Handwritten signature

SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 09:2015/BCT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM KHĂN GIẤY
VÀ GIẤY VỆ SINH**

Amendment 01:2026 QCVN 09:2015/BCT

National technical regulation for napkin and toilet tissue paper

HÀ NỘI - 2026



Lời nói đầu

Sửa đổi 01:2026 QCVN 09:2015/BCT sửa đổi, bãi bỏ một số quy định của QCVN 09:2015/BCT.

Sửa đổi 01:2026 QCVN 09:2015/BCT do Tổ soạn thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Sửa đổi Thông tư số 36/2015/TT-BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh biên soạn, Cục Công nghiệp trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến, Bộ trưởng Bộ Công Thương thẩm định và ban hành kèm theo Thông tư số **62** /2026/TT-BCT, ngày **30** tháng 9 năm 2026.



QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM KHĂN GIẤY VÀ GIẤY VỆ SINH

National technical regulation for napkin and toilet tissue paper

Sửa đổi 01:2026 QCVN 09:2015/BCT sửa đổi, bãi bỏ những nội dung sau của QCVN 09:2015/BCT.

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.3. Giải thích từ ngữ

Sửa đổi 1.3.1 như sau “**1.3.1. Giấy tissue:** Là loại giấy đã được làm nhẵn, gồm một hoặc nhiều lớp giấy có định lượng thấp (dưới 50 g/m²). Giấy tissue và giấy tissue dạng cuộn lớn dùng cho gia công khăn giấy, giấy vệ sinh sau đây sẽ được gọi tắt là giấy tissue.”.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu đối với nguyên vật liệu

1. Sửa đổi điểm 2.1.2. Hóa chất như sau:

“2.1.2. Hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất khăn giấy và giấy vệ sinh phải tuân thủ quy định trong Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2025”.

2. Sửa đổi điểm 2.2.1. Các chỉ tiêu cơ lý như sau:

“Bỏ mục Phương pháp thử trong Bảng 1- Chỉ tiêu cơ lý”.

3. Sửa đổi điểm 2.2.2. Các chỉ tiêu hóa học như sau:

“Bỏ mục Phương pháp thử trong Bảng 2 – Chỉ tiêu hóa học”.

4. Sửa đổi điểm 2.2.3. Các chỉ tiêu vi sinh như sau:

“Bỏ mục Phương pháp thử trong Bảng 3 – Chỉ tiêu vi sinh”.

5. Sửa đổi điểm 2.3.1 như sau:

“2.3.1. Trên mỗi đơn vị bao gói sản phẩm phải có nhãn hàng hóa. Việc ghi nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan”.

III. YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ

1. Sửa đổi điểm 3.1.1. như sau:

“3.1.1. Các sản phẩm khăn giấy, giấy vệ sinh và giấy tissue phải được công bố hợp quy phù hợp với quy định tại Quy chuẩn này. Dấu hợp quy phải tuân thủ theo khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.”

10/1

2. Sửa đổi điểm 3.1.2. như sau:

"3.1.2. Việc đánh giá sự phù hợp để công bố hợp quy đối với các sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh và giấy tissue quy định tại Thông tư 33/2026/TT-BCT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương được thực hiện theo Phương thức 5 hoặc Phương thức 7 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Giấy chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 có giá trị hiệu lực không quá ba (3) năm kể từ ngày cấp"

3. Bãi bỏ mục 3.1.4

4. Sửa đổi điểm 3.2 (bãi bỏ mục 3.2.2.) như sau:

"3.2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp

Tổ chức, cá nhân thực hiện công bố hợp quy theo QCVN này dựa trên một trong những kết quả sau:

- Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được công nhận theo quy định của pháp luật;
- Kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc được chỉ định theo quy định của pháp luật."

5. Sửa đổi điểm 3.3 như sau:

"3.3.1. Các sản phẩm khăn giấy, giấy vệ sinh và giấy tissue được nhập khẩu và tiêu thụ trên thị trường phải chịu sự kiểm tra về chất lượng theo quy định hiện hành."

"3.3.2. Việc thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm khăn giấy, giấy vệ sinh và giấy tissue phục vụ kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa phải thực hiện tại các tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật".

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sửa đổi điểm 5.1, 5.2 và 5.3 như sau:

"5.1. Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này."

"5.2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Cục Công nghiệp có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, báo cáo và kiến nghị Bộ Công Thương sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật này."

"5.3. Trường hợp các quy định của pháp luật và các tài liệu viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới."/.

PHỤ LỤC
CẬP NHẬT MỘT SỐ ĐIỂM CỦA PHƯƠNG PHÁP THỬ
TRONG QCVN 09 2015/BCT

Cập nhật **A.2. Phương pháp thử chỉ tiêu cơ lý** như sau:

"A.2.1 Phương pháp xác định độ bền kéo

- TCVN 8309-4:2010 Giấy tissue và sản phẩm tissue – Phần 4: Xác định độ bền kéo, độ giãn dài khi đứt và năng lượng kéo hấp thụ.

- ISO 12625-4:2022 Tissue paper and tissue products - Part 4: Determination of tensile strength, stretch at maximum force and tensile energy absorption (Giấy tissue và sản phẩm tissue - Phần 4: Xác định độ bền kéo, độ giãn dài khi đứt và năng lượng kéo hấp thụ).".

"A.2.2 Phương pháp xác định tỷ lệ độ bền kéo ướt/ độ bền kéo khô

- TCVN 8309-5:2010 Giấy tissue và sản phẩm tissue – Phần 5: Xác định độ bền kéo ướt.

- ISO 12625-5:2024 Tissue paper and tissue products - Part 5: Determination of wet tensile strength (Giấy tissue và sản phẩm tissue – Phần 5: Xác định độ bền kéo ướt).".

"A.2.3 Phương pháp xác định khả năng hấp thụ nước

- TCVN 8309-8:2010 Giấy tissue và sản phẩm tissue – Phần 8: Thời gian hấp thụ nước và khả năng hấp thụ nước theo phương pháp giỏ ngâm.

- ISO 12625-8:2010 Tissue paper and tissue products – Part 8: Water-absorption time and water-absorption capacity, basket-immersion test method (Giấy tissue và sản phẩm tissue – Phần 8: Thời gian hấp thụ nước và khả năng hấp thụ nước theo phương pháp giỏ ngâm).".

Cập nhật **A.3. Phương pháp thử chỉ tiêu hóa học** như sau:

"A.3.1 Phương pháp xác định độ ẩm

- TCVN 1867:2010 Giấy và cactông - Xác định độ ẩm - Phương pháp sấy khô.

- ISO 287:2017 Paper and board – Determination of moisture content – Oven drying method (Giấy và cactông - Xác định độ ẩm - Phương pháp sấy khô).

A.3.2 Phương pháp xác định pH nước chiết

- TCVN 7066-1:2008 Giấy, cactông và bột giấy – Xác định pH nước chiết – Phần 1: Phương pháp chiết lạnh.

- ISO 6588-1:2021 Paper, board and pulps – Determination of pH of aqueous extracts – Part 1: Cold extraction (Giấy, cactông và bột giấy – Xác định pH nước chiết – Phần 1: Phương pháp chiết lạnh).

A.3.3 Phương pháp xác định độ bền màu của giấy (loại được làm trắng bằng chất tẩy trắng huỳnh quang)

- TCVN 10089:2013 Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm - Xác định độ bền màu của giấy và các tông được làm trắng bằng chất huỳnh quang.

- EN 648:2019 Paper and board intended to come into contact with foodstuffs – Determination of the fastness of fluorescent whitened paper and board (Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm - Xác định độ bền màu của giấy và các tông được làm trắng bằng chất huỳnh quang).

A.3.4 Xác định độ bền màu của giấy (loại được nhuộm màu và có các hình in)

- TCVN 10087:2013 - Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định độ bền màu của giấy và các tông được nhuộm màu.

- EN 646:2019 - Paper and board intended to come into contact with foodstuffs - Determination of colour fastness of dyed paper and board (Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định độ bền màu của giấy và các tông được nhuộm màu).

A.3.5 Xác định hàm lượng formaldehyt

- TCVN 8308:2010 - Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm –Xác định formaldehyt trong dung dịch nước chiết.

- EN 1541:2002 - Paper and board intended to come into contact with foodstuffs - Determination of formaldehyde in an aqueous extract (Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm –Xác định formaldehyt trong dung dịch nước chiết).

A.3.6 Xác định hàm lượng cadimi và chì

- TCVN 10093:2013 - Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định cadimi và chì trong dịch chiết nước.

- EN 12498:2019 - Paper and board - Paper and board intended to come into contact with foodstuffs - Determination of cadmium and lead in an aqueous extract (Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định cadimi và chì trong dịch chiết nước).

A.3.7 Xác định hàm lượng thủy ngân

- TCVN 10092:2013 - Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định thủy ngân trong dịch chiết nước.

- EN 12497:2005 - Paper and board - Paper and board intended to come into contact with foodstuffs - Determination of mercury in an aqueous extract (Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm – Xác định thủy ngân trong dịch chiết nước).".

THUAN

Handwritten signature

